TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Hương.

- Ông Thái Trung Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 335/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Kim N, sinh năm 1983; (vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà X, ấp M T, xã M Q, thị xã N N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Đào T, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà X, Khóm W P, phường V P, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn chị Võ Kim N trình bày:

Năm 2007, chị Võ Kim N kết hôn với anh Đào T và được UBND phường V P, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2015. Trong thời gian chung sống chị N và anh T có 01 đứa con chung tên Đào Tuấn H (nam), sinh ngày 26/6/2008 và hiện nay do anh Đào T nuôi dưỡng. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn thường xuyên xảy ra ngày càng trầm trọng hơn kéo dài đến năm 2015 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nhận thấy, hạnh phúc gia đình tan vỡ không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn yêu thương nhau. Nay chị Võ Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đào T.

- *Về con chung:* Đối với đứa con tên Đào Tuấn H (nam), sinh ngày 26/6/2008 tùy theo nguyện vọng của con, muốn sống với cha hoặc mẹ thì người đó nuôi dưỡng. Nếu sống với chị N thì chị N nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đào T phải cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu cháu H có nguyện vọng sống với anh T thì chị N không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Võ Kim N trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Võ Kim N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đào T:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Đào T để tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh Đào T biết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

* Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng pháp luật về tố tụng; Nguyên đơn chị Võ Kim N chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp; Đối với bị đơn anh Đào T chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và hòa giải. Đồng thời, bị đơn anh Đào T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đào T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Kim N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Võ Kim N theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Kim N được ly hôn với anh Đào T.

+ Về con chung: Giao cháu Đào Tuấn H (nam), sinh ngày 26/6/2008 cho anh Đào T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào T không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị Võ Kim N trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Võ Kim N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh Đào T biết là chị Võ Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Đào T theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án đã tiến hành thông báo để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Đào T vẫn cố tình vắng mặt.Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại

Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh Đào T biết.

[2] Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và phiên tòa được mở vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 21/5/2021 nhưng bị đơn anh Đào T vắng mặt. Phiên tòa tiếp tục được mở lại vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 28 tháng 6 năm 2021 nhưng bị đơn anh Đào T vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đào T theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với nguyên đơn chị Võ Kim N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Võ Kim N theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Kim N với anh Đào T được xác lập vào năm 2007 và đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND phường V P, thị xã V C là đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Kim N với anh Đào T là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong thời gian sống chung với nhau chị N và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị Võ Kim N kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đào T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Kim N với anh Đào T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện nay không còn sống chung với nhau. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Kim N được ly hôn với anh Đào T.

[2] *Về con chung:* Đối với cháu Đào Tuấn H (nam), sinh ngày 26/6/2008 hiện nay do anh Đào T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, anh Đào T có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của con tốt về thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H (BL 43). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều

81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Đào Tuấn H cho anh Đào T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào T không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Võ Kim N trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị Võ Kim N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Võ Kim N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 ; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58; 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Kim N được ly hôn với bị đơn anh Đào T.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Tuấn H (nam), sinh ngày 26/6/2008 cho anh Đào T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Trong thời gian anh Đào T nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào T không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Võ Kim N trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Võ Kim N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Kim N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0006454 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị Võ Kim N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường V P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương